

**I. MỤC TIÊU:**

- Tìm hiểu cách tạo report trong ứng dụng java dùng Crystal report:
  - Yêu cầu phần mềm
  - Truy vấn dữ liệu
  - Thiết kế report

**II. TÓM TẮT LÝ THUYẾT:****1. Yêu cầu phần mềm:**

- Java SE 7
- JDBC Connector Mysql
- Wamp Server
- IDE Eclipse có cài plugin SAP Crystal Reports
- Thư viện Crystal Report runtime

**2. Cấu hình để chương trình có thể xem được report:**

- Trong chương trình, phải import các lớp sau đây để xem được report:
  - ✓ ReportViewerBean
  - ✓ OpenReportOptions
  - ✓ ReportClientDocument
  - ✓ ReportSDKException

**3. Hiển thị report trong chương trình:**

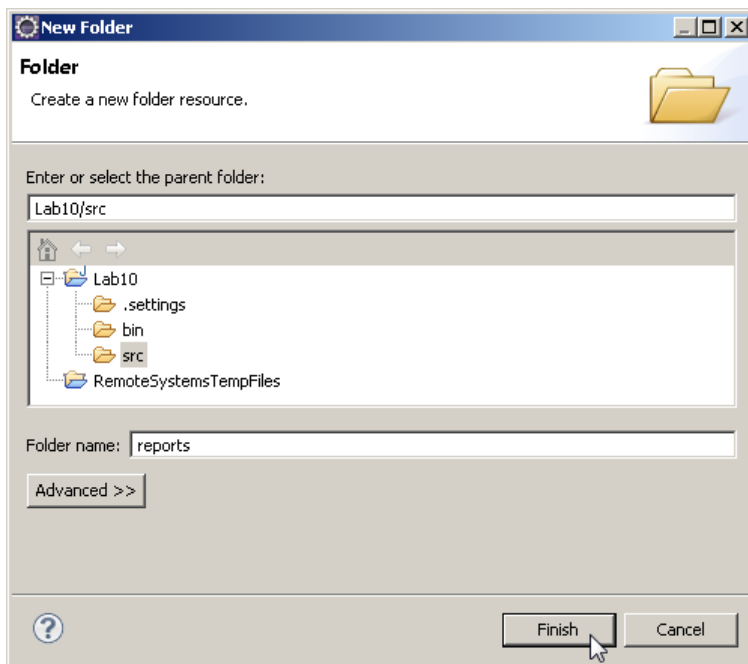
```
try {  
    ReportClientDocument doc= new ReportClientDocument();  
    doc.setReportAppServer(ReportClientDocument.inprocConnectionString);  
    doc.open("reports/dssv.rpt", OpenReportOptions._openAsReadOnly);  
    ReportViewerBean viewer = new ReportViewerBean();  
    viewer.init();  
    ...  
    viewer.start();  
}  
catch (ReportSDKException e) {  
    System.err.println("Report Error!");  
}
```

**III. NỘI DUNG THỰC HÀNH:**

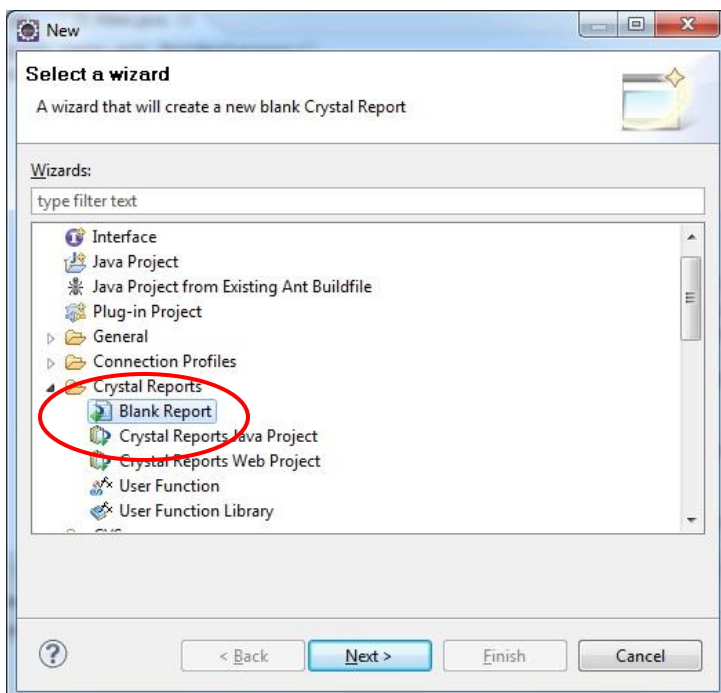
- Sinh viên tạo database trong mysql đặt tên **db\_lab10**.
- Import **db\_lab10.sql** vào database vừa tạo.

**1. Lab10\_1:****a. Tạo mới report:**

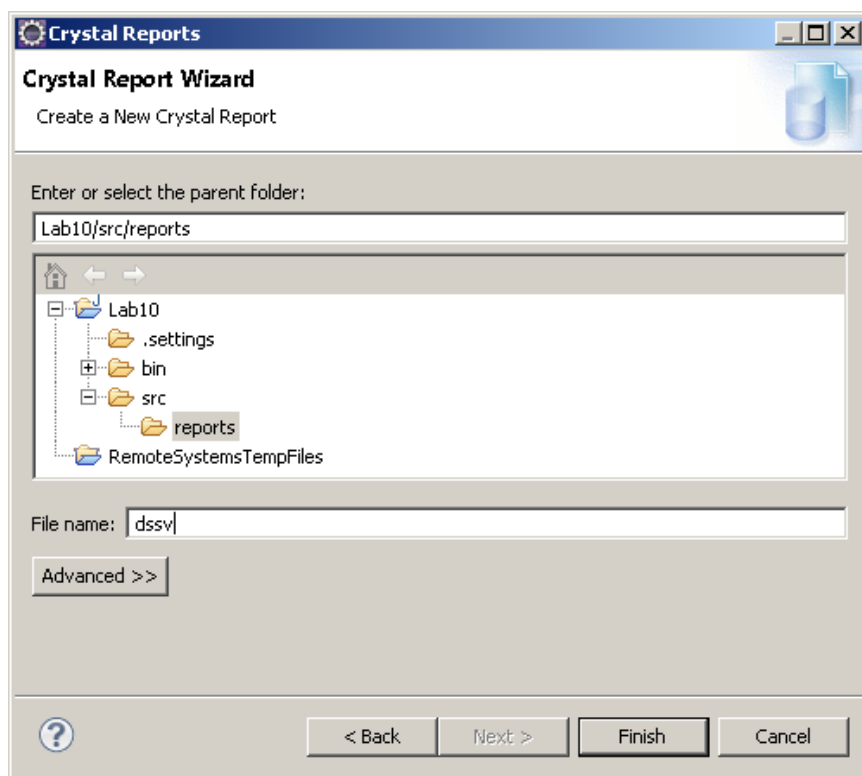
- Kích phải chuột vào thư mục **src** trong project Lab10, chọn New → Folder, đặt tên folder mới là reports dùng để chứa các report của chương trình.



- Kích phải chuột vào project, chọn New → Other..., trong mục Crystal Reports chọn Blank Report

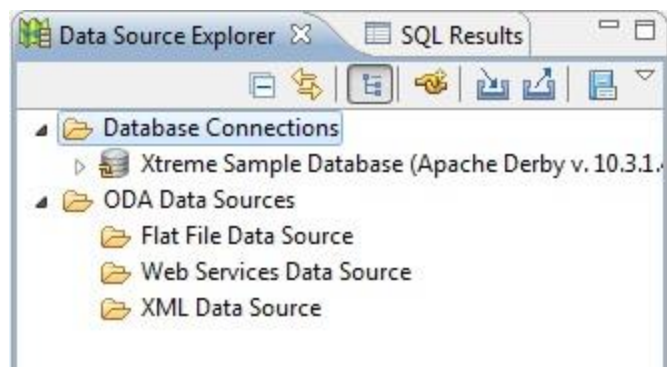


- Chọn thư mục **reports**, nhập tên cho report là **dssv**. Nhấn Finish.

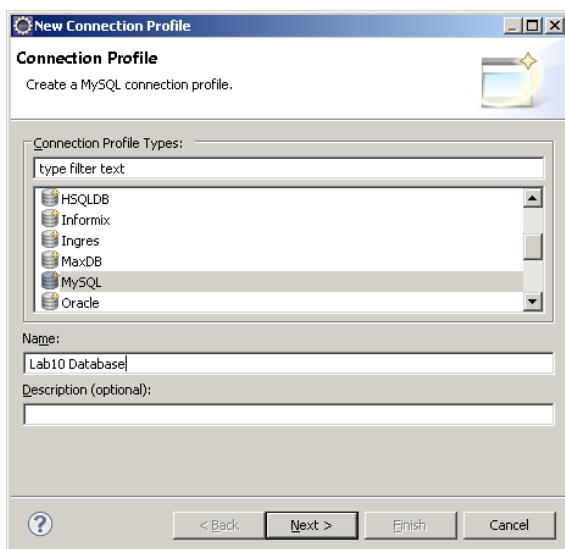


*b. Thiết lập datasource:*

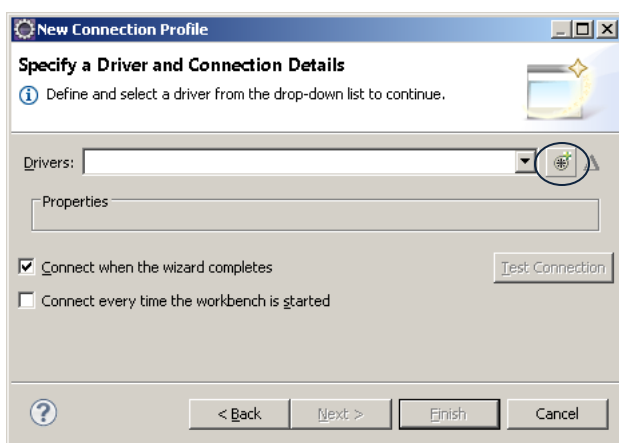
- Trong cửa sổ Data Source Explorer, kích phải vào Database Connections, chọn New



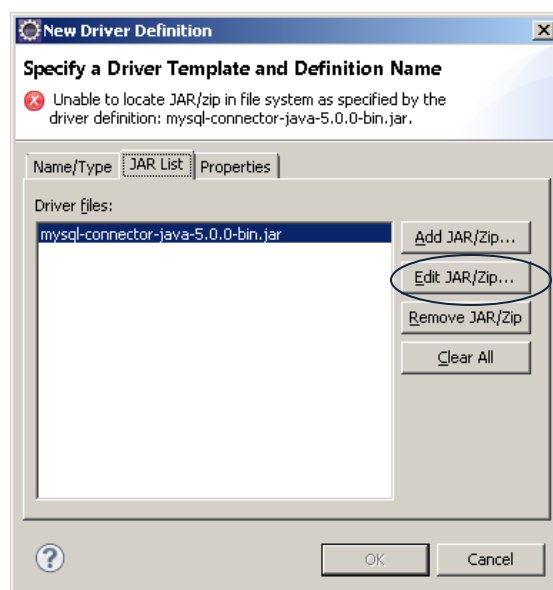
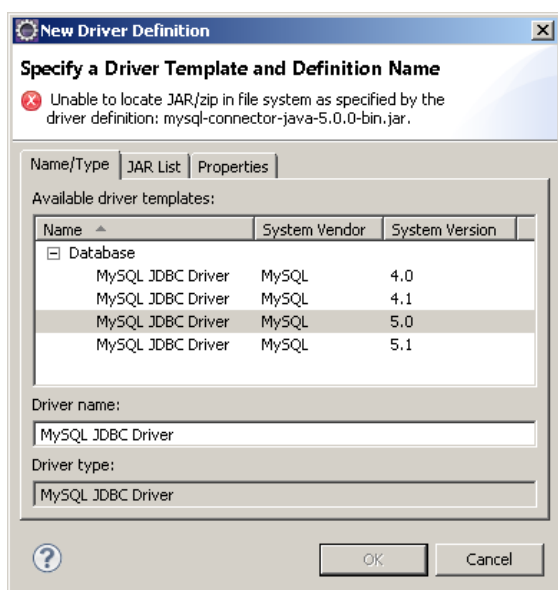
- Xuất hiện hộp thoại New Connection Profile, chọn MySQL trong danh sách database. Đặt tên Name: **Lab10 Database**. Nhấn Next



- Xuất hiện hộp thoại Connection Profile, chọn **New Driver Defination**

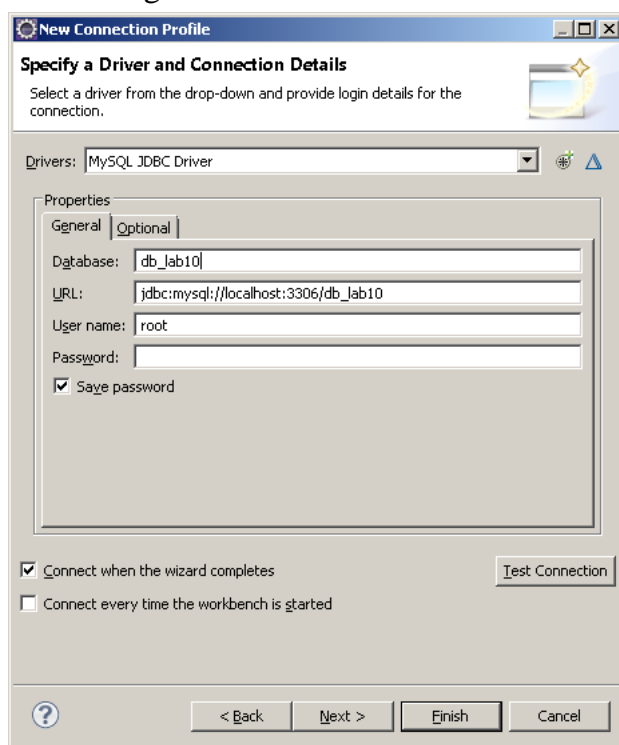


- Xuất hiện hộp thoại Driver Definition

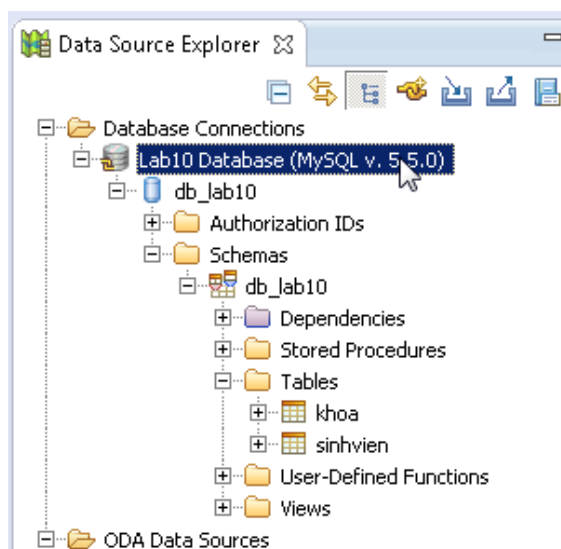


- Chọn phiên bản driver
- Trong tab JAR List, kích nút Edit, chỉ đến đường dẫn chứa file thư viện driver, nhấn OK

- Điền thông số như sau:

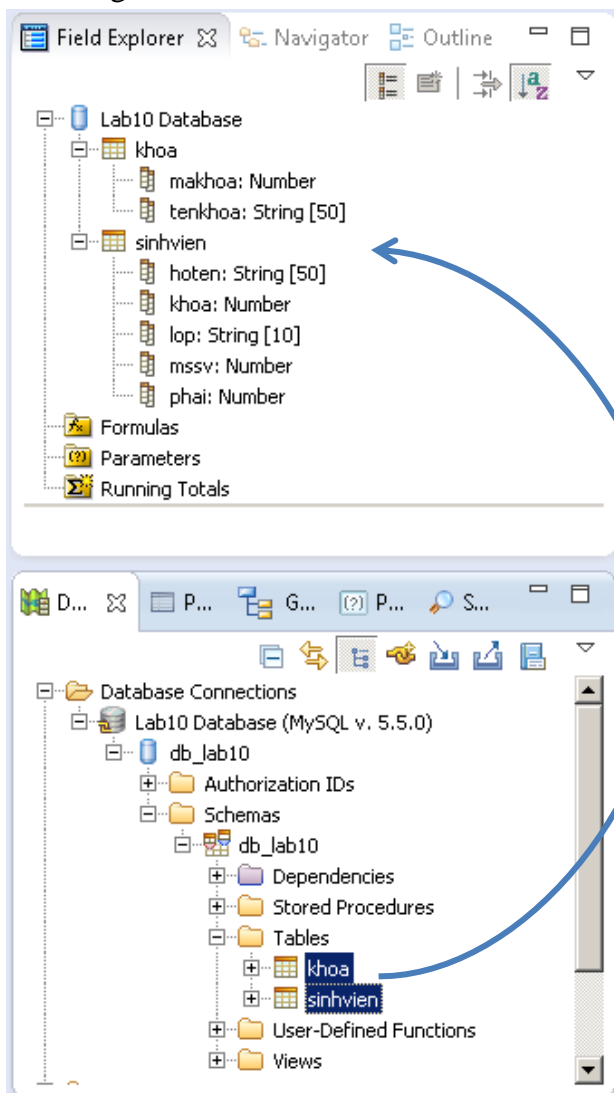


- Kích nút Test Connection để kiểm tra kết nối, sau đó nhấn Finish
- Kiểm tra trong cửa sổ Data Source Explore, ta có kết quả sau:

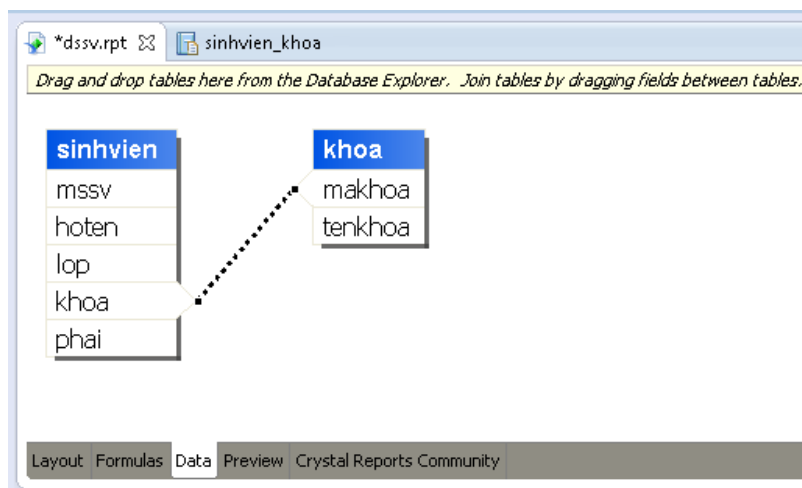


*c. Tạo danh sách field:*

- Kéo bảng sinhvien từ cửa sổ Data Source Explore vào cửa sổ Field Explorer

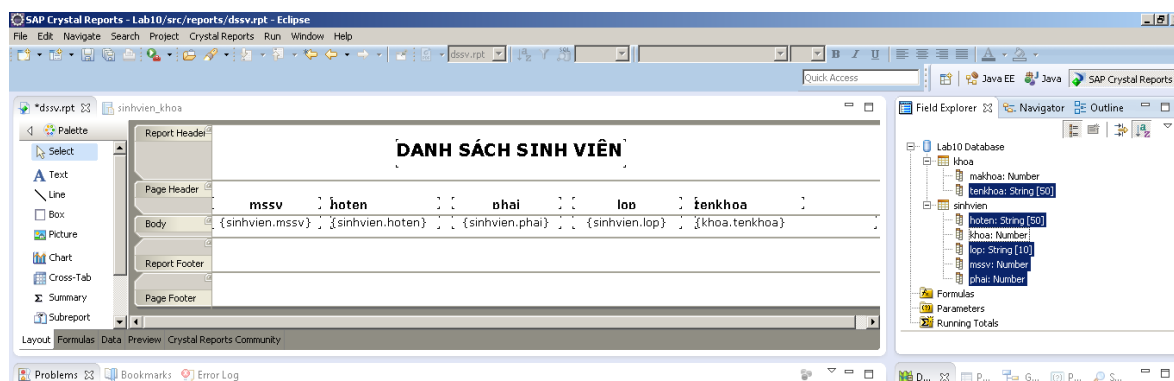


- Trong tab Data ở cửa sổ Design, kéo thuộc tính **sinhvien.khoa** kết với **khoa.makhoa**.

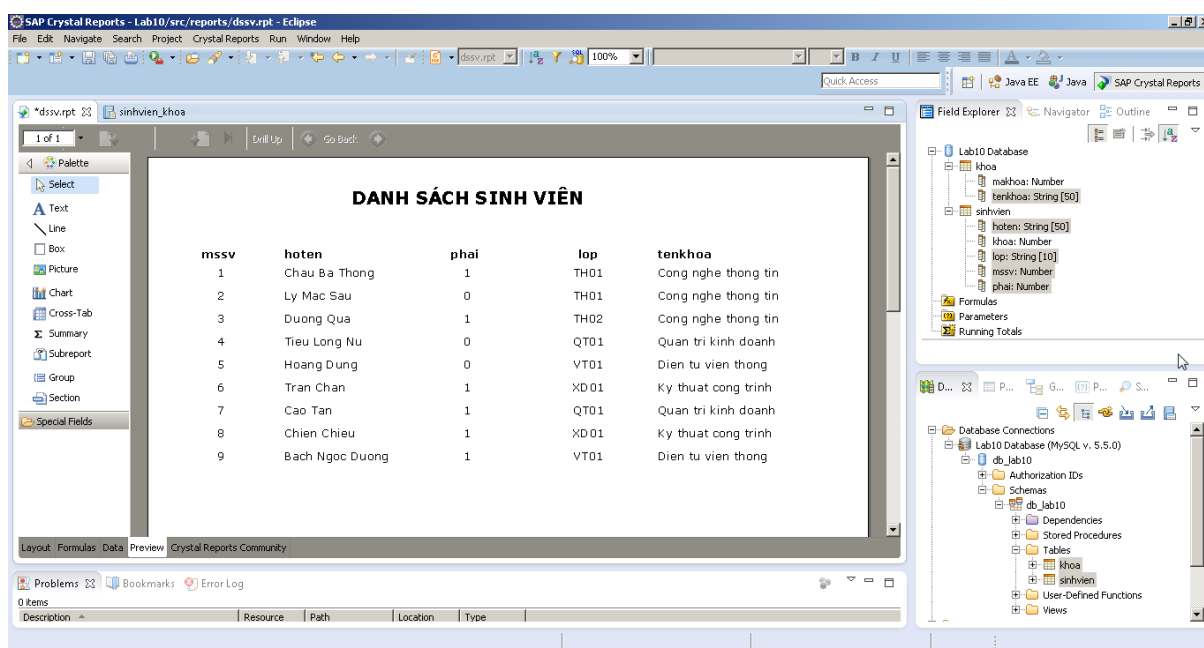


### d. Thiết kế report:

- Chọn các field trong cửa sổ Field Explorer kéo thả vào vùng Body của report.



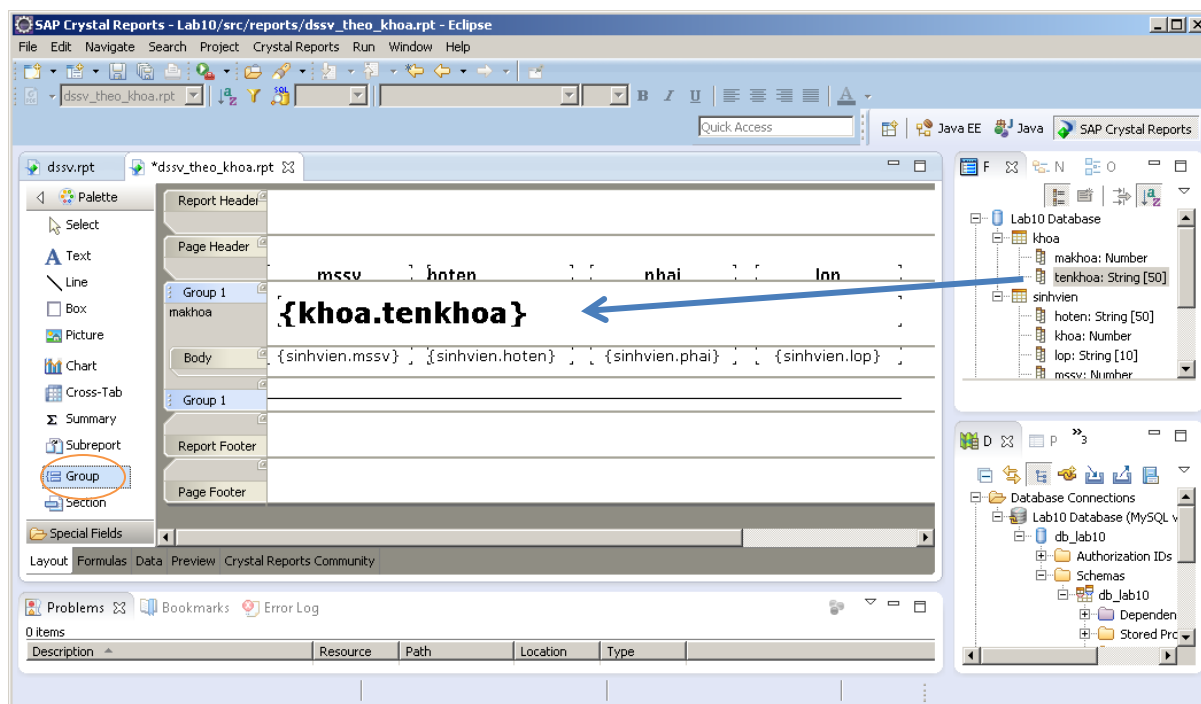
- Chạy report, chọn tab Preview



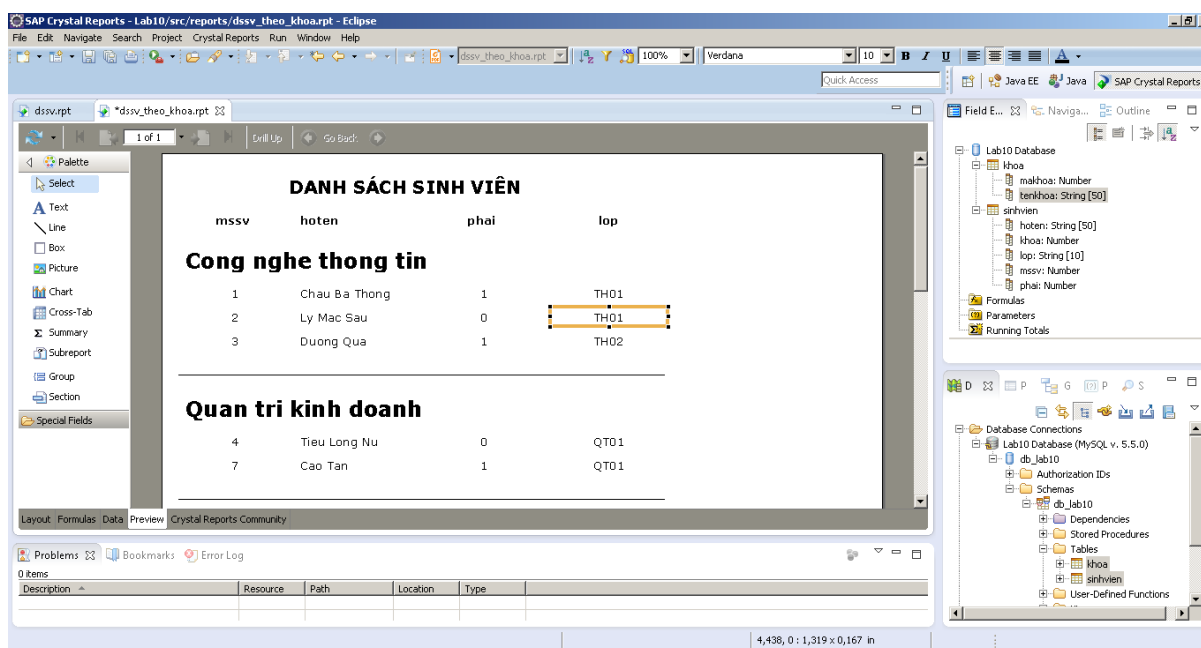
## LAB 10: CRYSTAL REPORT

### 2. Lab10\_2:

- Sinh viên tạo report mới đặt tên là **dssv\_theo\_khoa**.
- Tạo danh sách field như **Lab10\_1**
- Trong tab **Layout**, chọn **Group** thả vào vùng Body → xóa tên **GroupName** mặc định → kéo field **tenkhoa** vào vùng **Group1**



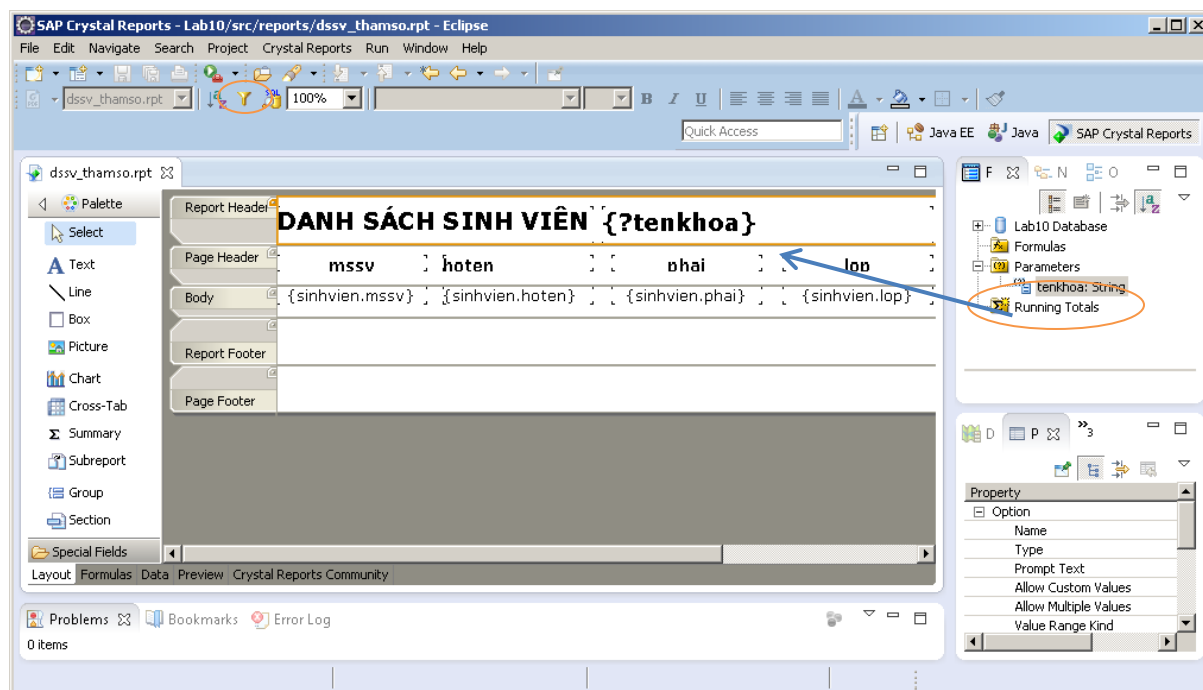
- Thiết kế phần Body như hình
- Chạy report, xem kết quả.



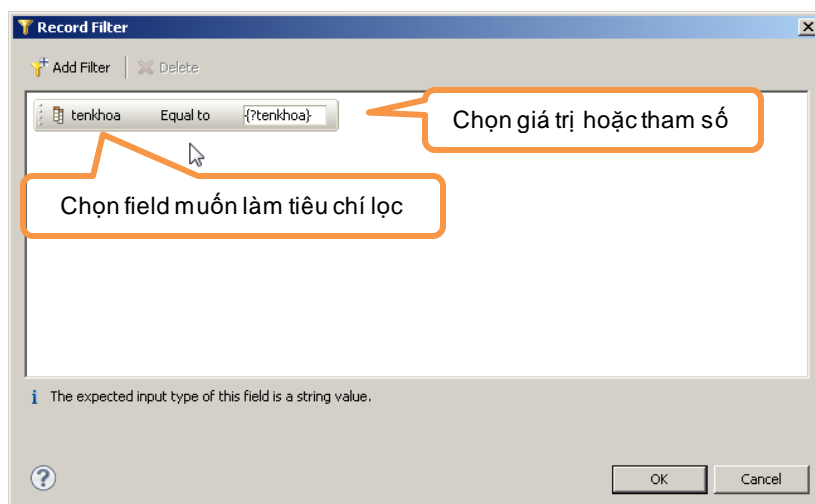


### 3. Lab10\_3:

- Tạo report mới đặt tên dssv\_thamso.rpt
- Thiết kế report như hình.
- Tạo tham số: kích phải vào **Parameters** → New... → Đặt tên **tenkhoa**, kiểu String, kéo tham số vừa tạo vào vùng Report Header như hình

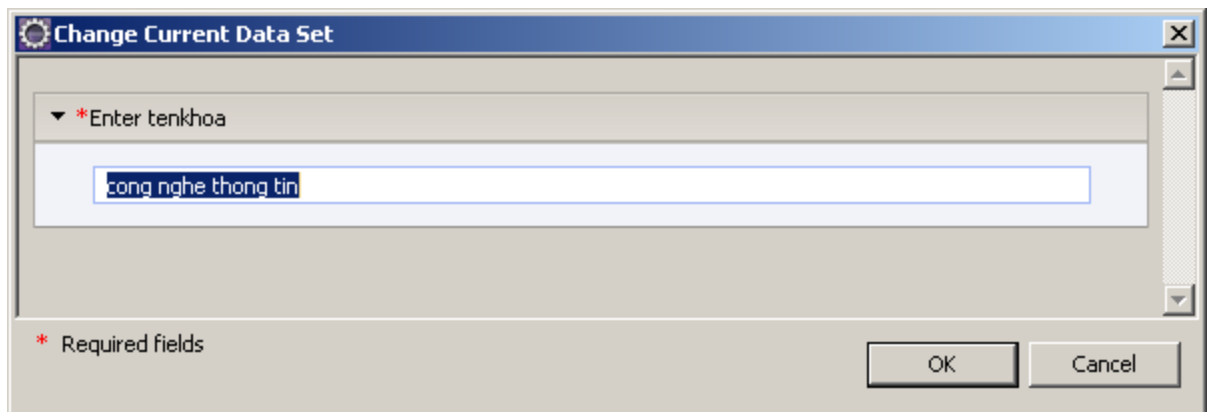


- Kích vào biểu tượng **Filter** → Kích nút **Add Filter**
- Trong hộp thoại **Record Filter**, chọn field **khoa.tenkhoa**, chọn giá trị là tham số **{?tenkhoa}** → Click Ok.



## LAB 10: CRYSTAL REPORT

- Chạy report → Xuất hiện hộp thoại yêu cầu nhập tham số → Nhập "công nghệ thông tin" → Nhấn OK



- Màn hình kết quả

